

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 11

Phẩm thứ tư: THẾ GIỚI THÀNH TỰU

A- Ý ĐƯA RA: Trước nói về duyên đã đầy đủ, từ đây trở xuống là chính thức nói rõ về pháp đã thuyết giảng, tổng quát trình bày về tướng của quả, riêng biệt giải đáp câu hỏi về Pháp giới an lập hải, cho nên đưa ra phẩm này.

B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Thế, nghĩa là ba đời, bởi vì rơi vào quá khứ-hiện tại-vị lai. Giới, nghĩa là nơi chốn phân biệt, bởi vì có nơi này-nơi kia. Lại nữa, Thế nghĩa là che kín; Giới cũng là phạm vi giới hạn, nghĩa là các pháp hữu vi có thể phá hoại. Thế tức là che kín, pháp vô vi không thể hủy hoại. Pháp từ Chân tánh khởi lên giống như vô vi, pháp tức là che kín, hữu vi có thể phá hoại. Thế không xen tạp với nhau, là phạm vi giới hạn của nó. Vì thế cho nên cảm đến Ta-bà, là đối với Hoa Tạng mà thấy Ta-bà; cảm đến Hoa Tạng, là đối với Ta-bà mà thấy Hoa Tạng.

Thành Tựu, tức là duyên có thể thành tựu, đó là mười duyên... Chủ thể và khách thể (Năng sở) hợp lại làm tên gọi. Nếu dùng sự thành tựu của thế giới, thì chính là Y chủ thích. Dựa theo trong bản tiếng Phạn nói là Thế Giới Hải Thành Tựu, văn sau phân rõ về Hải nhưng người dịch tóm lược, ý nói: Y-Chánh của quả Phật do Văn-Tu mới phát khởi, nghiệp báo của chúng sinh vốn tự có sẵn. Vì vậy chỉ nêu ra Thế Giới mà thôi.

C- TÔNG THỨ: Nêu ra đức thù thắng vô biên, giải thích rộng về Thế giới hải đã nhận biết là Tông. Nhưng mà ý thú lại có nhiều loại, toàn bộ khiến cho các Bồ-tát phát khởi Đại tín giải-ngộ nhập là Thứ, nghĩa là khiến cho nhận biết về hạnh Đại Bi của Phật và Bồ-tát, như biển rộng che phủ vô biên đến tận cùng cảnh giới của chúng sinh.

Phỏng theo mà thực hành, cho nên vô biên thế giới đều trang nghiêm thanh tịnh, vô biên chúng sinh đều hóa độ. Quốc độ khác nhau do tâm, bởi vì làm thanh tịnh tâm mình và tâm người khác. Thế giới trùng trùng vô tận đến vô tận, bởi vì Đại hạnh nguyện đều tròn đầy, cho nên cảnh giới Phật-cảnh giới chúng sinh không phải một-không phải khác. Có thể nhận biết rõ ràng chính xác cho nên thành tựu Đại Trí, chưa có thể hiểu rõ thì huân tập mà trở thành chủng tử, tất cả đều là ý thú. Cũng bởi vì hiển bày về ý sâu xa này, cho nên đưa ra phẩm này. Vì vậy kệ sau nói:

*Tâm thanh tịnh lìa xa nịnh hót đối gạt,
Hoan hỷ luôn luôn vui với tánh Từ Bi,
Người niềm tin sâu sắc chí nguyện rộng lớn,
Họ được nghe pháp này sinh lòng vui mừng.*

Nếu không được nghe về cảnh giới vô biên vô tận không hai này, thì đấm theo Quyên-Tiểu, hạnh nguyện Phổ Hiền do đâu mà có thể thành tựu? Vì vậy Phổ Hiền tự thuyết giảng để giúp cho chúng sinh, những vấn đề này đều là ý thú của phẩm này.

D- GIẢI THÍCH VĂN: Ba phẩm chính thức trình bày về Pháp hải, trong đó phân hai: Đầu là hai phẩm trình bày về quả, sau là một phẩm phân rõ về nhân. Nhưng có hai ý: 1- Dựa theo trình bày đầy đủ thì hai phẩm trước bao gồm giải đáp ba mươi câu hỏi về quả trước đây, một phẩm sau giải đáp mười câu hỏi về nhân trước đây, nói về nhân là bởi vì mong muốn thành tựu quả, thuận theo nhiều mà nói rõ ràng để đưa ra quả. 2- Lấy hai phẩm trước, hướng về ba câu hỏi ở cuối phẩm trước, bao gồm giải đáp về Y-Chánh.

Nếu hướng về văn mở rộng ở sau, thì chính thức trình bày về Y báo, kèm theo hiển bày về Chánh báo, giữ lại Chánh báo ấy mở rộng ở phần sau. Trong đó, phẩm đầu bao gồm phân rõ vô số quốc độ vốn có của chư Phật và các chúng sinh, phẩm sau riêng biệt trình bày về sự trang nghiêm thanh tịnh của Bốn Sư. Lại phẩm này trình bày về duyên thành tựu của quốc độ, phẩm sau riêng biệt phân rõ về tướng của quả. Phẩm này giải đáp câu hỏi về an lập, trong đó tuy trình bày về hình tướng... mà cũng là duyên.

Nay là phần đầu, phân hai: Một: Tổng quát nêu ra cương yếu, tức là phần căn bản; Hai: Chính thức trình bày về nghĩa căn bản, tức là phần thuyết giảng.

Trong phần một cũng có hai: 1- Nương theo uy lực quán sát khắp nơi; 2- Nhắc lại câu hỏi nhận lời thuyết giảng.

Trong phần 1, trước đây tiến vào Tam-muội thì bên trong hợp với nguồn cội ấy, nay nói quán sát khắp nơi thì bên ngoài xét kỹ về tướng ấy. Nghĩa của mười Hải đã giải thích như phần thừa hỏi, chỉ có một vài điểm không theo thứ tự mà thôi. Nhưng quán sát đối với mười Hải đã bao hàm ba mươi câu hỏi còn lại, bởi vì trong Phật hải đầy đủ thân..., bởi vì trong Đại nguyện hàm chứa nhân...

Phần 2 từ “Như thị quán sát...” trở xuống là nhắc lại câu hỏi nhận lời thuyết giảng, trong đó phân bốn: a- Nhắc lại câu hỏi sơ lược khen ngợi; b- Nhận lời thuyết giảng về phạm vi giới hạn; c- Do thuyết giảng mà thành tựu lợi ích; d- Ca ngợi về pháp thù thắng khuyên nhủ lắng nghe.

Trong phần a, phân hai: Một: Kết thúc phần trước phát khởi phần sau; hai: Từ “Phật tử...” trở xuống là chính thức nhắc lại để khen ngợi, tức là từ sau hưởng về trước, nhắc lại ba mươi câu hỏi về quả trước đây.

Một: Mười câu nhắc lại mười câu hỏi về Thế giới hải... trước đây. Quán sát chính là quán sát về Hải, ca ngợi chính là ca ngợi về Trí, Trí cùng với Hải lập đi lập lại tác thành lẫn nhau, nghĩa là trước đây từ Trí quán sát về Hải vì tế khó nhận biết, nhận biết chỉ có trí Phật mới có thể suy xét tận cùng. Hải khó nghĩ bàn cho nên trí Phật khó nghĩ bàn, trí Phật khó nghĩ bàn cho nên Hải là sâu rộng. Nếu như vậy thì tại sao không nói đến Trí mà chỉ nói đến Hải? Bởi vì Trí tách rời cảnh giới của Hải thì lẽ nào nhận biết về tướng ấy. Lại biểu thị chỉ có nhận biết đã chứng cho nên chỉ nói đến Hải, mười Trí hưởng về Hải cùng với câu hỏi tách ra-hợp lại, có một vài điểm khác nhau, tên gọi có lẽ sai khác đôi chút.

Nghĩa là trong câu 1 trước đây thừa hỏi và quán sát, chỉ nói là Thế giới hải, nay thêm vào Thành-Hoại hưởng về trong phần trao cho Trí trước đây cũng có nói đến Thành-Hoại, đây chính là khác nhau về mở rộng và tóm lược mà thôi. Nói về Trí thanh tịnh, là lìa xa Sở tri chướng mà quyết đoán rõ ràng. Câu đầu xuyên suốt về sau cho nên thêm vào chữ Thanh Tịnh, còn lại đều lược bớt. Nhưng đều bởi vì nhiều-rộng lớn-sâu xa-vi tế, trùng điệp khó nhận biết, vượt lên trên nói năng-suy nghĩ, cho nên đều nói là không thể nghĩ bàn. 2- Nhận biết về Chúng sinh hải-Nghiệp hải, chúng sinh tức là sai biệt về chủng loại-quả báo, nghiệp tức là khác nhau về thiện ác... Thuận theo nghĩa riêng biệt này, trong phần quán sát tách ra làm hai câu, mà nhân quả tuy khác nhưng cùng là chúng sinh đã giáo hóa, cho nên trong này và câu hỏi cùng với phần

trao cho Trí, đều hợp lại làm một. 3- Tức là thế giới đều gọi tên, hoặc là pháp giáo hóa chúng sinh, nghĩa là an lập-thi thiết-phương tiện-quỹ tắc... 4- Chủ động giáo hóa là chư Phật với số lượng vô biên. 5- Tức là Căn-Dục sai biệt đã giáo hóa khó nhận biết, mà trong câu hỏi hợp lại thuộc về năm Hải sau, bởi vì năm Hải đều cần phải nhận biết về Căn-Dục. 6- Tức là thời gian đã thích ứng, trước đây dựa vào pháp đã quán sát chỉ nói là ba đời, nay dựa vào trí Phật cho nên nói là một niệm có thể nhận biết về câu hỏi ấy và trao cho Trí. Điều nói là Giải thoát hải của Phật, bởi vì một niệm nhận biết tất cả ba đời, vốn là giải thoát không thể nghĩ bàn của Phật. 7- Đại nguyện phù hợp với tánh là hiện thân thuyết pháp, vốn là nhân của sự giáo hóa khắp nơi. Câu hỏi trước đây là Danh hiệu hải và Thọ lượng hải, trong phần trao cho Trí gọi là Phổ nhập pháp giới, bởi vì Trí về tất cả Thế giới hải, đều nhờ vào Nguyện lực. 8- Tác dụng ứng với căn cơ, thần biến không có gì giới hạn. 9- Chuyển Đại pháp luân hải phù hợp với tánh. Nếu căn cứ trong câu hỏi, thì thâm nhiếp Pháp luân hải ở trong phần diễn thuyết; nếu dựa theo hướng về quán sát, thì thâm nhiếp Diễn thuyết hải ở trong Pháp luân. Nay ở đây tách ra hai diễn thuyết. 10- Nghĩa là tùy theo nơi chốn mà thi thiết ngôn ngữ-âm thanh sai biệt, và Pháp luân thuận theo căn cơ, trong phần trao cho Trí cũng tách ra gọi là Trí về âm thanh của Phật.

Hai: Từ “Thanh tịnh...” trở xuống có chín câu, nhắc lại mười câu hỏi về ba nghiệp-sáu căn trước đây, hướng về mười dựa theo Trí trình bày về không thể nghĩ bàn. Từ đây trở xuống thẳng thắn dựa vào Thể của pháp là không thể nghĩ bàn. Lại hướng về câu hỏi trước đây thì tách ra-hợp lại phỏng theo mà tóm lược, bởi vì hiển bày về Vô tận. Dùng tổng quát thu nhận riêng biệt, chỉ mở rộng về ánh sáng nơi thân... 1- Thân thuận theo căn cơ dài-ngắn khó lường. 2- Hiện bày sắc tướng-chủng loại vô biên như vàng-bạc... 3- Trần số quốc độ trong mười Liên Hoa Tạng, tướng tốt vượt quá số lượng này. 4- Viên quang lớn-nhỏ tùy theo căn cơ vô tận. 5- Tùy duyên phát ra ánh sáng, màu sắc-chủng loại không phải một. 6- Thường quang như ngọn lửa đầy đủ những màu sắc quý báu. 7- Viên âm vô tận sâu rộng khó suy lường. 8- Tam luân thâm nhiếp giáo hóa, đó là Thần túc... 9- Điều phục khiến cho thành tựu lợi ích, đạt được quả không hề trống rỗng, nhưng sự điều phục ấy lại có ba loại: Một là từ đầu đến cuối dùng lời nói êm dịu, người cần phải thâm nhiếp mà thâm nhiếp cho họ; hai là từ đầu đến cuối dùng lời nói thô lỗ, người cần phải chiết phục mà chiết phục cho họ; ba là có lúc nói lời êm dịu, có lúc nói lời thô lỗ, người cần phải thành thực mà thành thực cho

họ. Bởi vì đầy đủ ba loại này, cho nên không có gì trôi qua trống rỗng.

Ba: Từ “An trú Phật địa...” trở xuống có mười câu, nhắc lại mười câu hỏi về đầy đủ trọn vẹn Đức-Dụng ban đầu trước đây. Trong phần thừa hỏi trước đây, lược bớt không có hai câu về Biến hóa và Tự tại, bởi vì thâm nhiếp ở trong câu không có năng lực nào thâm nhiếp được. Nghĩa như Hội trước, cũng bởi vì có mười Hải ở văn trước, cho nên Thần biến thuộc về Thân, Tự tại thuộc về Trí. Còn lại đều có thể biết.

Phần b từ “Như thị đẳng...” trở xuống là nhận lời thuyết giảng về phạm vi giới hạn, nghĩa là thuyết giảng đầy đủ. Nương theo uy lực của Phật là Phật ở Hội ấy. Nếu nói đầy đủ thì tại sao văn sau chỉ nói về An lập hải và Thế giới hải? Bởi vì kinh đưa ra không hết, vả lại tuy nói về An lập hải và Thế giới hải, nhưng cũng đã bao gồm đầy đủ ba mươi câu hỏi, nghĩa là bởi vì thế giới nhất định phải có chúng sinh nương tựa cư trú, bởi vì có Phật xuất hiện, bởi vì an lập khác nhau, bởi vì cảm theo hành nghiệp. Phần còn lại có thể dùng ý để tìm hiểu.

Phần c từ “Vi linh...” trở xuống là do thuyết giảng mà thành tựu lợi ích, có mười câu thâm nhiếp làm năm cặp: 1- Chứng Trí và thành tựu phước làm một cặp; 2- Trang nghiêm quốc độ và nối tiếp dòng giống làm một cặp, cũng tức là thời gian và nơi chốn làm một cặp; 3- Hiển bày nghĩa lý và diễn thuyết giáo pháp làm một cặp; 4- Phát sinh điều thiện và diệt trừ điều ác làm một cặp; 5- Nghiệp thanh tịnh và Nguyên rộng khắp làm một cặp. Văn đều có thể biết. Đây là cũng nối thông làm nguyên nhân phát khởi giáo pháp của một bộ kinh. Mười câu này cũng hướng về mười Trí-mười Hải trước đây, sợ rằng văn nhiều cho nên không kết hợp.

Phần d từ “Thị thời Phổ Hiền...” trở xuống là ca ngợi về pháp thù thắng khuyên nhủ lắng nghe, trong văn có hai: Trước là trường hàng phân rõ về ý; sau là kệ tụng chính thức hiển bày.

Trong phần trước có mười một câu: Đầu là một câu tổng quát nêu ra, nghĩa là khiến cho nghe pháp chắc chắn sinh tâm hoan hỷ; còn lại mười câu là riêng biệt hiển bày về nghĩa của hoan hỷ, cũng làm năm cặp: 1- Vui với giáo pháp và phát sinh niềm tin làm một cặp; 2- Chứng tánh và lập nguyện làm một cặp; 3- Hiểu rõ Chân và hòa vào Tục làm một cặp; 4- Thọ trì pháp và nêu rõ Phật làm một cặp; 5- Khai mở pháp và tăng thêm Trí làm một cặp. Như văn đều hiển bày rõ ràng.

Trong phần sau là chính thức kệ tụng, mười kệ phân hai: Tám kệ đầu là ca ngợi, hai kệ sau là khuyến khích.

Trong tám kệ đầu cũng có hai: Hai kệ đầu trình bày về ý xuất hiện

của Phật; sáu kệ sau là phân rõ xác định về pháp khí, trong đó: Đầu là một kệ chọn ra không phải pháp khí, tiếp là bốn kệ nêu ra pháp khí, sau cuối là một kệ kết luận quy về Phật lực.

Hai kệ sau là khuyến khích, văn đều có thể biết.

Nhưng tất cả mười kệ này, cũng là nhắc lại câu hỏi để ca ngợi. Phần trường hàng trước đây tổng quát hiển bày về khó nghĩ bàn, từ đây trở xuống sơ lược nêu ra tướng của khó nghĩ bàn, mà trong ba mươi câu nêu ra không theo thứ tự, nghĩa bao hàm đều đầy đủ, muốn phối hợp để giải thích tường tận, sợ rằng khó hiểu bởi vì văn nhiều.

Trong phần hai: Chính thức trình bày về nghĩa căn bản, phân hai: 1- Kết tập sinh khởi; 2- Từ “Chư Phật tử...” trở xuống là Phổ Hiền biểu hiện về thuyết giảng, ở trong ba mươi câu hỏi về quả, mở rộng giải thích câu hỏi về Thế giới hải và An lập hải, còn lại đều thâm nhiếp. Văn phân làm hai: a- Nêu ra Chương môn; b- Dựa vào Chương riêng biệt giải thích.

Trong phần a, phân ba: Một: Thiết lập số lượng hiển bày về giống nhau; hai: Đưa ra số lượng nêu rõ khác nhau; ba: Kết luận tóm lược-hiển bày mở rộng.

Trong mục một, trước tiên bày tỏ với các Phật tử, là khiến cho tình thức luôn luôn chú ý nghe và nhìn để hiểu biết. Thế giới rộng sâu gọi đó là Hải, nghĩa là tích chứa quốc độ trở thành chủng loại, tích chứa chủng loại trở thành biển, biển không có Thể riêng biệt, thế giới đều gọi tên. Nhưng sự việc tương tự rộng nhiều, sơ lược nêu ra mười Hải để biểu thị cho Vô tận, ba đời cùng thuyết giảng làm sáng tỏ về nội dung quan trọng thù thắng ấy. Lại hiển bày về thuyết giảng quyết định không có gì thay đổi.

Trong mục hai là đưa ra số lượng nêu rõ khác nhau: 1: Trình bày về thu nhận duyên để thành lập; 2: Thành lập rồi nương tựa cư trú; 3: Hình dáng bên ngoài khác biệt; 4: Thể bên trong sai biệt; 5: Trang nghiêm rõ ràng như vật báu... 6: Cấu uế không sinh khởi; 7: Phật xuất hiện khác nhau; 8: Kiếp trú có dài-ngắn; 9: Tùy nghiệp mà thay đổi; 10: Bao dung nhất định phải như nhau. Mười loại này cũng thâm nhiếp mười tám loại viên mãn. Đến phẩm sau sẽ kết hợp.

Mục ba từ “Chư Phật tử...” trở xuống là kết luận tóm lược-hiển bày mở rộng. Nói về Vô số Thế giới hải, là Trí hỷ còn khó suy lường, ngôn ngữ lẽ nào trình bày đầy đủ, không phải là vị chứng đến Pháp Vân thì làm sao tiếp nhận sự thuyết giảng ấy? Nhưng mười sự việc trên đây, đối với mỗi một quốc độ nhiều ít không nhất định, có đủ duyên với một

chủng loại, hoặc một-hoặc hai-hoặc ba-hoặc nhiều, hoặc làm thành bốn câu, nghĩa là một thành tựu một, một thành tựu tất cả... Một chủng loại thanh tịnh, hoặc một-hoặc nhiều, hoặc cũng không có, bởi vì có quốc độ thuần là uế tạp. Bấy sự việc tiếp theo, tất cả đều chỉ có một, nghĩa là dựa vào hư không mà trú, bởi vì không phải dựa vào ánh sáng... Phần còn lại dựa theo suy nghĩ.

Không có sai biệt ấy thì tất cả đều đầy đủ, bởi vì dựa theo Thế tánh bình đẳng, Phật lực thâm nhiếp dung thông mà thuyết giảng không sai khác, cho nên nhiếp-tịnh đều đầy đủ.

Có người nói rằng: “Tất cả thế giới hướng về với nhau, cùng tên gọi như nhau không sai khác, thì trái với văn kinh ở sau, kinh nói: Mỗi một Thế giới hải, có trần số Thế giới hải, vốn không có sai biệt. Nếu dựa vào hướng về với nhau-giống như nhau, thì không có sự việc gì sai biệt. Nếu đem mười sự việc này hướng về chủng loại-quốc độ, có đủ duyên với một chủng loại, nhiều-ít không nhất định, thì không thể nào nói là một, bởi vì trong chủng loại ấy hàm chứa quốc độ có nhiều chủng loại. Một sự việc thanh tịnh không thể nào nhất định nói là có hay không có, bởi vì trong chủng loại ấy chắc chắn hàm chứa tịnh-uế. Không có sai biệt ấy nhiều-ít cũng như nhau, Phật xuất hiện đối với kiếp trú tùy theo nghiệp mà chuyển biến thì không thể nào nói là một, dựa vào hình thể trang nghiêm thì không thể nào nói là nhiều, bởi vì chủng loại-quốc độ ấy có Thế... riêng biệt. Nếu dùng mười sự việc này, một mình hướng về vô số quốc độ thì bốn loại như hình thể-nương tựa-cư trú-trang nghiêm, thừa nhận điều ấy chỉ là một, những điều khác nhất định phải bao gồm nhiều, bởi vì kinh nói: Mỗi một Thế giới hải có đủ loại hình tướng.” Nay nói có trần số Thế giới hải, là dựa theo dung thông thâm nhiếp vô tận mà nói.

Có người nói rằng: “Dựa theo tất cả các quốc độ trong mỗi một Sát hải, tất cả đều có một nhân như nhau, có trần số sát hải, thì thật là lỗ mãng, điều này thế nào? Lại như quốc độ trong sát hải tuy nhiều, mà lẽ nào như tất cả sát hải mài vụn làm nhiều mảy trần hay sao? Nếu muốn giống nhau, thì một mảy trần-một duyên mới có thể tương tự, đâu có thể dùng một quốc độ-một duyên, làm số lượng nhiều như mảy trần của một quốc độ, huống hồ mười sự việc như tích chứa đầy đủ duyên... hay sao? Có mảy trần của sát hải, một mảy trần ấy đầy đủ duyên, tự nhiên có trần số sát hải, vậy thì tất cả có vi trần số sát hải trong vi trần số sát hải. Một quốc độ-một duyên, một y báo-một Thế, lẽ nào có thể chứa đầy? Cũng không thể nào nói là bao gồm tất cả Thế giới hải mà

nói, bởi vì sau trong phần nương tựa-cư trú nói: Mỗi một Thế giới hải, có trần số Thế giới hải, vốn là nơi nương tựa cư trú.”

Phần b: Dựa vào Chương riêng biệt giải thích, mười sự việc không giống nhau thì làm thành mười đoạn, mỗi một đoạn đều có trường hàng và kệ. Trong trường hàng đều có ba, đó là nêu ra-giải thích và kết luận.

Đoạn 1: Dấy khởi đầy đủ nhân duyên.

Trong phần nêu ra, sơ lược đưa ra mười loại nổi thông thành tựu tất cả quốc độ Phật trong ba đời.

Từ “Hà giả...” trở xuống là phần giải thích. Nhưng nghĩa của quốc độ Phật, tuy có nhiều loại mà không ra ngoài ba loại: 1- Pháp tánh độ; 2- Thọ dụng độ; 3- Biến hóa độ. Nếu tách ra thì Thọ dụng có Tự thọ dụng-Tha thọ dụng là thành bốn Độ, tóm chung làm hai loại, đó là tịnh và uế, hoặc là tánh và tướng. Dung thông mà làm thành một, có khác so với những Tông khác. Vả lại, Tịnh độ này một Chất (tính chất) sẽ không thành tựu, bởi vì tịnh-uế thiếu-đủ; khác Chất sẽ không thành tựu, bởi vì một lý bình đẳng như nhau; có Chất sẽ không thành tựu, bởi vì tìm nguồn gốc thì sâu xa; không có Chất sẽ không thành tựu, bởi vì duyên khởi rất nhiều hình thái; so sánh làm mất đi mà viên dung không có gì chướng ngại. Độ đã không như nhau thì nhân duyên cũng khác nhau.

Nay văn trong mười loại: Ba loại đầu là tổng quát hiển bày, bốn loại tiếp là riêng biệt trình bày, ba loại sau là dung thông thấu nhiếp mà chuyển biến.

Nói về ba loại đầu: Một: Thần lực của Như Lai, nghĩa là tất cả quốc độ tịnh-uế..., đều là lực Thần thông-Trí tuệ của Như Lai tạo thành, vì chúng sinh mà chọn lấy, muốn làm cho ứng hiện khắp nơi, Phật ứng hiện tất cả, cho nên đều gọi là Phật độ. Liên Hoa Tạng hải do Phật trang nghiêm thanh tịnh, mà bên trong hàm chứa tịnh-uế. Nhưng dựa vào Phật mà nói, cho nên không có quốc độ nào mà không thanh tịnh, đã ngay nơi uế mà tịnh cho nên không thể nghĩ bàn. Hai: Pháp như thị, tiếng Phạn nói là Đạt-ma-đa, Trung Hoa nói là Pháp Nhĩ, hoặc nói là Pháp Tánh. Nếu là Pháp Tánh, thì dùng Như Lai Tạng thân trong Thức vốn có, làm nơi nương tựa duy trì, luôn luôn nhanh chóng biến đổi phát khởi các Khí thể gian bên ngoài. Nếu nói là Pháp Nhĩ, thì nghĩa là có người hỏi rằng: Vì sao chư Phật-chúng sinh xuất hiện ở nơi quốc độ? Đáp rằng: Pháp thuận theo như vậy không thể đưa ra vặn hỏi. Nếu kết hợp hai nghĩa này, thì nói là pháp thuận theo như vậy do Tạng thức mà biến đổi phát khởi. Ba: Nghiệp lực của chúng sinh, nghiệp có thiện-ác,

quốc độ có tịnh-uế, cho nên kinh Tịnh Danh lấy vạn hạnh làm nhân. Lại nói: Chủng loại của chúng sinh là quốc độ của Phật Bồ-tát, nghĩa là pháp tánh tuy một nhưng tùy theo nghiệp mà thành khác nhau, Phật tùy theo chủng loại khác nhau chọn lấy quốc độ để thâm nhiếp chúng sinh. Kinh Niết Bàn nói về điều thiện nhỏ bé, Quán Kinh nói về ba tâm..., tương tự điều ấy không phải là một. Ba loại trên đây: Một là nói về nhân, hai là nói về duyên, ba là nói về nhân.

Bốn loại tiếp là riêng biệt trình bày, có nhân-có duyên: Một: Nhân của Tự thọ dụng độ, do Đại viên cảnh trí mà thành tựu. Hai: Nhân của Biến hóa độ, nghĩa là chúng sinh và Bồ-tát cùng làm thành một duyên, đều tùy theo hành nghiệp mà sinh đến quốc độ ấy, đó là Phạm-Thánh đồng cư độ. Hai loại ba-bốn là nhân của Tha thọ dụng độ, nhưng loại trước tức là Địa thứ nhất trở lên, như trong mười Đại nguyện là nguyện tu về Tịnh độ; loại sau tức là Địa thứ tám trở lên, do công dụng của hành không lui sụt mà thành tựu, trong Địa thứ tám có phần của Tịnh độ.

Ba loại sau là thâm nhiếp dung thông, bao gồm đối với nhân-duyên: Một loại đầu tức là từ Địa thứ tám trở lên, thu nhận biến rộng làm sữa đặc (Tô lặc), biến hóa mặt đất làm vàng ròng (Hoàng kim), lấy nhiễm làm tịnh, lấy tịnh làm nhiễm, tự tại thâm nhiếp chúng sinh, cho nên trong mười loại tự tại có tự tại về quốc độ. Tận cùng về nhân ấy là Thắng giải thanh tịnh, Thắng giải duy trì phù hợp cho nên tùy tâm mà biến hiện. Một loại tiếp gọi là lúc thành tựu Chánh giác, thân ấy chứa đầy vi trần quốc độ trong mười phương thế giới, niệm-kiếp viên dung thành lập trong một lúc, do hai loại nhân: a- Do thiện căn mà phát xuất ngôn ngữ trong nhân; b- Thế lực của Thành đạo, trình bày về Dụng của quả. Một loại này là Thọ dụng và Biến hóa dung thông với nhau, tức là như phân đầu của kinh nói mặt đất nơi nước Ma-kiệt-đà kiên cố... Một loại sau không có câu hỏi, thành tựu và không thành tựu luôn luôn có thể thâm nhiếp dung thông.

Lại trước là Diệu giác, ở đây là Đẳng giác. Pháp tánh độ ấy nối thông làm Thể của các Độ. Tận cùng về nhân ấy có Chánh-có Trợ, nghĩa là Pháp Nhĩ làm Chánh nhân, bởi vì Nhất thiết trí và toàn bộ đều dùng các nhân mà làm Duyên nhân. Ba loại sau cũng dung thông với Độ trước, không phải là có Thể riêng biệt.

Lại mười sự việc này lần lượt chuyển tiếp sinh khởi, nghĩa là quốc độ của chư Phật chung quy nhờ vào Phật lực. Vì sao nhờ vào Phật lực? Bởi vì pháp như vậy. Pháp vốn như vậy, vì sao lại có khác nhau? Bởi vì nghiệp không giống nhau. Chúng sinh do nghiệp, Phật lại do đầu

mà thành tựu? Do Nhất thiết trí mà biến hiện, cho nên chúng sinh và Phật có khác nhau. Vì sao Phạm-Thánh cùng cư trú? Bởi vì cùng làm thành một duyên. Vì sao lại có quốc độ toàn là Bồ-tát? Bởi vì lực thuộc nguyện hạnh của Bồ-tát. Đã do hành nghiệp thì sao có thể chuyển biến? Bởi vì Thắng giải tự tại. Vì sao lại có thể dung thông thâm nhiếp trùng trùng? Bởi vì lực tự tại của Phật và Phổ Hiền.

Phần kết luận tóm lược-hiến bày mở rộng, như trước đã giải thích.

Trong phần kệ tụng, phần nhiều dùng quả để hiển bày về nhân, vẫn có chín kệ tóm gọn làm tám mục:

Một: Có một kệ tụng về thần lực của Phật, dựa vào vô biên sát hải này, đều do đức Tỳ-lô Giá-na trang nghiêm thanh tịnh, thì Hoa Tạng trang nghiêm ở phần sau hãy còn là rõ ràng, lý thật mà nói thì nguyện lực rộng khắp pháp giới.

Hai: Có một kệ vượt lên trên tụng về chúng sinh và Bồ-tát cùng tích tập thiện căn.

Ba: Có một kệ tụng về loại thứ tư là nhân của Tự thọ dụng độ thành tựu Nhất thiết trí, nửa kệ trước nói về nhân, nửa kệ sau nói về quả. Luận Thành Duy Thức nói: “Đại viên cảnh trí tương ứng với Thức thanh tịnh, do xưa kia tu tập Tự lợi vô lậu, hoàn toàn thanh tịnh ở quốc độ của Phật, nhân duyên đã thành thực, từ lúc mới thành Phật đến tận cùng thời gian vị lai, nối tiếp nhau biến hiện làm cho quốc độ của Phật hoàn toàn thanh tịnh, các vật báu trang nghiêm đầy đủ tròn vẹn không có ranh giới.” Phối hợp với kinh có thể thấy.

Bốn: Có một kệ tụng về loại thứ sáu là nguyện lực trang nghiêm thanh tịnh, và loại thứ bảy là hạnh nguyện không lui sụt, tu tập vô số các hạnh mà không có giới hạn. Luận nói: “Nghĩa là Bình đẳng tánh trí tương ứng với lực Đại Từ Bi, do xưa kia tu tập Lợi tha vô lậu, hoàn toàn thanh tịnh ở quốc độ của Phật, nhân duyên đã thành thực, tùy theo Bồ-tát trú trong Thập Địa mà thích hợp biến hiện làm Tịnh độ, hoặc nhỏ-hoặc lớn, hoặc kém-hoặc hơn, thay đổi từ đầu đến cuối.” Trong kinh tuy nói về nguyện lực mà không phải không có hạnh, bởi vì phân biệt về công dụng có và không có. Trường hàng có hai câu ấy, đều nói về Tha thọ dụng. Kệ làm thành một, câu đầu tụng về loại thứ sáu, câu tiếp tụng về loại thứ bảy, bởi vì Địa thứ tám trở lên niệm niệm tiến vào dòng chảy của giáo pháp, tâm tâm hướng về cảnh giới của Phật. Nửa kệ sau gồm chung cả hai văn ấy.

Năm: Có một kệ lùi lại tụng về loại thứ ba là hành nghiệp của

chúng sinh, thêm vào nhân tạo nghiệp, do phiền não quấy động mà tạo ra quốc độ ược nhiễm, ham muốn-ưa thích không phải một mà cảm đến quốc độ có khác nhau. Trước cùng tu tập với Bồ-tát, cho nên nhất định phải có thiện nghiệp, ở đây trình bày về phiền não.

Sáu: Có một kệ tụng về Thắng giải của Bồ-tát.

Bảy: Có một kệ vượt lên trên tụng về nguyện lực của Phổ Hiền, bởi vì Phổ Hiền có ba: 1- Phổ Hiền ở phần vị trước, chỉ phát tâm Phổ Hiền, tức là không phải Dụng của hiện tại; 2- Phổ Hiền ở phần vị giữa, tức là phần vị Đẳng giác, phần vị này ở trước Phật; 3- Phổ Hiền ở phần vị sau, nghĩa là đạt được quả mà không rời bỏ nhân hạnh. Trường hàng ở sau.

Tám: Có hai kệ lùi lại tụng về Tự tại của Như Lai, kệ trước tụng về Dụng của quả, kệ sau tụng về pháp thiện phát sinh. Lược qua không tụng về Pháp Nhĩ, Pháp Nhĩ tức là Pháp Tánh, gồm chung cho nên lược qua. Vả lại, kệ thứ bảy tụng về trong Y có Y, kệ thứ tám tụng về trong Chánh có Y, kệ thứ chín dung thông với ba đời, ba kệ cùng hiển bày về dung thông thấu nhiếp vô ngại. Nhưng vô ngại ấy gồm có mười loại, các giáo nói về quốc độ, hoặc nói rằng chỉ là vô thường, hoặc nói là do tâm biến hiện, lý-sự cách xa nhau, cho nên nhiều-một không dung thông.

Nay Tông chỉ của kinh chủ yếu phân rõ về vô ngại:

1: Lý sự vô ngại, nghĩa là hoàn toàn giống như Chân tánh mà tướng của quốc độ hiện bày rõ ràng, kinh nói: Vô số thế giới Liên Hoa Tạng, pháp giới không có gì sai biệt, tất cả đều trang nghiêm thanh tịnh.

2: Thành hoại vô ngại, nghĩa là Thành ngay nơi Hoại, Hoại ngay nơi Thành...

3: Rộng hẹp vô ngại, bởi vì không làm hồng tướng mà rộng khắp mọi nơi, kinh nói: Thể tướng như vốn có, không có gì sai biệt, không có gì sánh bằng, vô lượng quốc độ đều rộng khắp tất cả...

4: Hòa vào nhau vô ngại, văn sau nói: Bởi vì chủng loại của một quốc độ hòa vào tất cả, tất cả hòa vào một cũng không sót lại gì. Văn này nói: Thân bao gồm tất cả... Văn ấy không phải là một, cũng là một-nhiều vô ngại.

5: Ngay trong nhau vô ngại, văn nói: Vô lượng thế giới ngay nơi một thế giới.

6: Vi tế vô ngại, kinh nói: Ngọc châu thanh tịnh trải khắp nơi như mây, hình ảnh của chư Phật hiển hiện rõ ràng...

7: Ẩn hiện vô ngại, nghĩa là nhiễm-tịnh khác loại, ẩn-hiện đều

khác, cho nên nhìn thấy không giống nhau.

8: Trở lại hiện bày vô ngại, nghĩa là nhìn thấy tất cả quốc độ ở trong mây trần, trong mây trần ở trong quốc độ nhìn thấy quốc độ cũng như vậy, trùng trùng vô tận như lưới giăng của Đế Thích.

9: Chủ bạn vô ngại, phàm là một thế giới thì cần phải có tất cả để làm quyến thuộc, văn sau kinh nói: Tỳ-lô Giá-na, do công hạnh xưa kia mà vô số các loại quốc độ đều thanh tịnh. Vô số quốc độ tức là quyến thuộc.

10: Thời xứ vô ngại, nghĩa là hoặc đối với một quốc độ hiện rõ kiếp của ba đời, hoặc đối với một niệm hiện rõ vô lượng quốc độ, như văn kệ thứ chín này. Lại văn sau nói: Tất cả mọi sự trang nghiêm của ba đời, đều hiện bày rõ ràng trong quả Ma-ni.

Mười loại vô ngại này đồng thời đầy đủ, tự tại khó nhận biết, phân tán ở các văn, có thể dùng sáu tướng để dung thông.

Doạn 2: Nói về nơi nương tựa cư trú bao gồm nhiễm-tịnh.

Trong trường hàng giải thích, văn về mười sự việc đều có thể biết. Nhưng nương tựa khác nhau, bởi vì tâm ưa thích có sai biệt, đó là: Một-Nương tựa cư trú trang nghiêm, bởi vì ưa thích tô điểm tốt đẹp; hai-Bởi vì ưa thích vô ngại; ba-Bởi vì ưa thích ngay nơi ánh sáng của sắc chất; bốn-Bởi vì sợ hãi những khổ đau; năm-Bởi vì ưa thích lìa xa ánh sáng của sắc chất, ánh sáng làm ra màu sắc của vật báu, không phải là ánh sáng từ vật báu phát ra; sáu-Bởi vì vâng theo Thánh giáo; bảy-Bởi vì cầu mong các thần bảo vệ; tám-Bởi vì cầu mong chư Thiên bảo vệ; chín-Bởi vì nguyện lực của Bồ-tát đã đảm nhận duy trì; mười-Bởi vì chúng sinh an trú khắp nơi.

Vì sao thế giới rộng lớn, dựa vào chủng loại nhỏ bé như hữu tình... mà cư trú? Điều này có hai nghĩa: 1-Bên ngoài do bên trong mà cảm, cho nên nói là dựa vào thân, ở đây lại có hai nghĩa: a-Lực của nhân vốn có, tụng nói: Do nghiệp lực mà duy trì. b-Lực chuyển biến của hiện tại, tức là thần lực của Bồ-tát và Thế chủ, đảm nhận duy trì mà thâm nhiếp quyến thuộc của mình. 2-Do sự của Thể vô lậu, lớn-nhỏ không ngăn ngại, cho nên có thể nương tựa cư trú với nhau. Phần kết luận có thể biết.

Phần kệ tụng có hai mươi hai kệ, văn phân ra hai phần riêng biệt: Đầu là một kệ tổng quát hiển bày về tất cả thế giới, dựa vào thần lực của Phật mà an trú. Bản tiếng Phạn nói: “Tất cả hiện bày nhờ vào thần thông của Phật.” Phần trường hàng không nêu ra, bởi vì nếu nêu ra thì chín loại còn lại không phải là thần thông của Phật. Kệ tụng văn này

thâu nhiếp mười loại trước đều là thần lực của Phật. Sau là hai mươi mốt kệ, riêng biệt tụng về văn trước đây, phân làm chín mục:

Một: Có một kệ, tụng về nường tựa cư trú trang nghiêm, nêu ra chủ thể để hiển bày khách thể, vật dụng trang nghiêm đều do vật báu tạo thành.

Hai: Có nửa kệ, tụng về nường tựa hư không.

Ba: Có nửa kệ, tụng về nường tựa ánh sáng rực rỡ của vật báu.

Bốn: Có một kệ, tụng về ánh sáng của Phật, bởi vì nường theo ánh sáng giáo pháp của Phật mà thành tựu thế giới.

Năm: Có một kệ, tụng về trú trong ánh sáng rực rỡ từ màu sắc của vật báu, dùng hình bóng trang nghiêm và che phủ để hiển bày về nường tựa cư trú.

Sáu: Có hai kệ, tụng về âm thanh của Phật, nghĩa là do pháp thiện vi diệu mà cảm đến, bởi vì âm thanh có uy thần.

Bảy: Có một kệ, tụng về hai trú 7-8, bao gồm hiển bày về thuyết pháp.

Tám: Có sáu kệ, tụng về dựa vào thân Bồ-tát mà an trú, hoặc là cây-hoặc là nước đều là thân của Bồ-tát, do Bồ-tát mà hiện bày. Phần trường hàng chỉ nói Bồ-tát, trong này bao gồm dựa vào thân Phật. Trong này tuy có nguyện lực, mà chính là thiện vốn có trên đây đã duy trì, không phải là nguyện của Phổ Hiền.

Chín: Có tám kệ còn lại, đều tụng về trú vào nguyện của Phổ Hiền mà sinh ra, trong đó có ba: Đầu có hai kệ trình bày về quốc độ rộng lớn, bởi vì rộng khắp pháp giới, kệ trước trình bày do Thức thanh tịnh mà sinh ra, ngoài tâm không có Thể cho nên như ảnh tượng; kệ sau nói về nghiệp khởi lên khó suy nghĩ, khởi lên không tách rời hư không. Tiếp có bốn kệ trình bày về quốc độ vi tế, điều phục chúng sinh tự tại, nhưng hiện bày do uy lực của Phật, bởi vì đây cũng là nguyện của Phổ Hiền thu nhận. Văn ở hai mục đều bao gồm uy lực của Phật. Sau cuối có hai kệ làm sáng tỏ về Thể tánh của quốc độ, kết luận đưa về có nơi tồn tại: Đầu là một kệ trình bày về quốc độ dựa vào tánh mà có, có tức là không phải có; tiếp là nửa kệ nói về thành-hoại lại khởi lên, giống như tìm theo vòng tròn; sau là nửa kệ kết luận đưa về nguyện rộng khắp, bao gồm hiển bày về nghiệp rộng lớn.

Đoạn 3: Hình tướng cũng bao gồm nhiễm-tịnh.

Trong trường hàng giải thích: Không phải tròn-vuông, là ba cạnh-tám góc đều không phải tròn-vuông, cho nên nói là vô lượng sai biệt. Hình dáng ngọn núi-ngọn lửa, là giống như ngọn núi-tựa như ngọn lửa

đều chọn lấy đỉnh nhọn phía trên, bởi vì so sánh về vuông-tròn... ở trên, còn lại đều có thể biết. Phần kết luận, vẫn có thể biết.

Trong phần kệ tụng có mười kệ, phân hai: Đầu là một kệ tổng quát ca ngợi khuyến khích quán sát; còn lại chín kệ đều chính thức tụng về nghĩa trước đây, bao gồm nêu ra nhân để hiển bày về quả. Trong đó, hai kệ đầu tụng về mười mục trước đây, bảy kệ sau tụng về vô lượng sai biệt trước đây.

Trong hai kệ đầu: Vòng ngọc Ma-ni, tức là giống như xoáy nước. Ngọn lửa thanh tịnh trang nghiêm, là tụng về hình dáng ngọn núi-ngọn lửa trước đây. Cửa lớn-cửa nhỏ đều mở ra, là nghĩa bao gồm cung điện.

Trong bảy kệ sau phân hai: Ba kệ trước làm sáng tỏ về quốc độ dựa vào nhân mà khác nhau, bốn kệ sau trình bày về tự tại nhờ vào Phật. Quốc độ khó nghĩ bàn trong một lỗ chân lông, lại có một lý, nghĩa là người tu hành ở nơi Báo độ của mình, tất cả đều không giống nhau, Phật thân nhiếp chúng sinh mà hiện bày quốc độ. Bởi vì Báo của chúng sinh, cho nên trùng trùng mà hiện bày nhưng không tách rời một mảy lông.

Đoạn 4: Thể của quốc độ, chỉ dựa theo quốc độ thanh tịnh.

Phần trường hàng sơ lược phân rõ về hai mươi loại Thể. Nhưng về Thể của quốc độ thì các giáo không giống nhau, hoặc dùng tám Vi làm Thể, hoặc dùng Duy Tâm làm Thể, hoặc dùng Pháp Tánh làm Thể, hoặc dùng tất cả các pháp làm Thể. Nay đều có đủ, nghĩa là các vật báu... tức là tám Vi, thêm vào âm thanh của Phật tức là chín Vi; một niệm tâm hiện bày là chỉ có Thức lập tức biến hiện; Phật biến hóa thì hoặc là bao gồm Sắc thuộc quả, hoặc là tất cả các pháp, bởi vì khiến cho ba thế gian nối tiếp nhau dấy lên. Lại dung thông các thuyết trên làm Thể của quốc độ vô ngại. Nói Nhật ma-ni luân tức là vầng mặt trời (Nhật luân), hương bao gồm Chất và Khí. Phật nói là Thể, vốn là sự của Thể vô ngại, lại dựa vào lực thuyết giảng của Như Lai mà khởi lên.

Trong phần kệ tụng có mười kệ:

Kệ một, tụng về ba Thể, đó là Thể thứ nhất-thứ hai và Thể thứ sáu là Kim cang không thể nào hủy hoại.

Kệ hai, tụng về hai Thể thứ ba-thứ tư.

Kệ ba, tụng về Thể thứ năm là tất cả ánh sáng rực rỡ trang nghiêm.

Kệ bốn, tụng về hai Thể, nguyện lực sinh ra là tụng về Phật lực duy trì, như ảnh tượng hiện bày là tụng về tướng quý báu vi diệu. Nếu

bao gồm hai sự thì tụng về Phật biến hóa.

Kệ năm, tụng về hai Thế, nửa trước tụng về Nhật luân, nửa sau tụng về vật báu vi tế.

Kệ sáu, tụng nói về ngọn lửa quý báu thù thắng vi diệu, cũng gồm đủ hương.

Kệ bảy, tụng về mũ đội quý báu, mũ đội quý báu cũng là Phật biến hóa, không phải chính thức tụng về Phật hóa hiện.

Kệ tám, tụng về một niệm hiện rõ tất cả cảnh giới.

Kệ chín, tụng về thị hiện tất cả vật báu trang nghiêm, và tụng về ba Thế sau. Ánh sáng của Ma-ni, là tụng về hình tướng quý báu của Bồ-tát và nhụy hoa quý báu; ánh sáng của Phật, là tụng về âm thanh của Phật, do âm thanh và ánh sáng mà thành tựu quốc độ.

Kệ mười, kết luận quy về Phổ Hiền.

Đoạn 5: Quốc độ trang nghiêm.

Trong trường hàng chỉ trình bày về quốc độ thanh tịnh, trong đó hoặc là vật báu làm trang nghiêm, hoặc là người-hoặc là pháp, hoặc là thuyết pháp-tu hành-thị hiện-dụng thông-thâu nhiếp, đều là trang nghiêm quốc độ, bởi vì người và pháp vốn là vật báu. Lại nhờ vào nhân thuyết pháp... mà đạt được quả trang nghiêm, dùng quả gọi nhân là trang nghiêm.

Trong phần kệ tụng có mười kệ, phân hai: Một kệ đầu tổng quát hiển bày về quốc độ trang nghiêm, chín kệ sau riêng biệt tụng về văn trước đây. Trong đó: Đầu là một kệ, tụng về phần thứ nhất là vãng mây vi diệu; tiếp là một kệ, tụng về phần thứ hai là công đức của Bồ-tát, và phần thứ tư là Nguyên hải của Bồ-tát; tiếp là một kệ, trở lại tụng về phần nói đến nghiệp báo của chúng sinh; sau là sáu kệ, như thứ tự tụng về sự việc ở sáu phần sau.

Đoạn 6: Trình bày về quốc độ thanh tịnh.

Trong phần trường hàng giải thích: Phương tiện, là chỉ dựa theo thanh tịnh. Nếu dựa theo tùy nghi thâm nhiếp chúng sinh mà Phật ứng hiện, thì tất cả tịnh-ước đều gọi là Phật độ. Nếu dựa vào hành mà đến thì chỉ là tịnh chứ không phải ước. Nhưng tịnh có hai loại: Một-Thế gian thanh tịnh bởi vì lìa xa cấu uế của dục, dùng sáu hành làm phương tiện, hai cõi trên (Sắc-Vô sắc) là Tịnh độ. Hai-Xuất thế gian thanh tịnh, ở đây lại có hai loại: 1- Xuất thế, đó gọi là Nhị thừa, bởi vì duyên với Đế làm phương tiện. Quyền giáo nói đó là không có Tịnh độ riêng biệt, dựa theo Thật giáo mà nói thì vượt ra ngoài ba cõi có Tịnh độ riêng biệt, là nơi cư trú của Nhị thừa, Trí Luận có văn nói đến điều này. 2- Xuất thế

gian thượng thượng tịnh, đây nói là Bồ-tát, tức là dùng vạn hạnh mà làm phương tiện, dùng Thật Báo với bảy báu vô lượng trang nghiêm mà làm quốc độ.

Nay ở đây chính thức trình bày về Bồ-tát, bao gồm hiển bày về Nhị thừa. Nhưng trong Xuất thế gian thượng thượng tịnh, lại có hai loại: a- Chân thật đến cuối cùng là Phật, Tự thọ dụng thì hệ lụy thuộc thân tướng đều không còn mà làm phương tiện; b- Chưa đến cuối cùng là Đẳng giác trở về sau, bởi vì kinh Nhân Vương nói: “Tam Hiền-Thập Thánh an trú trong quả báo, chỉ riêng một mình Phật an trú Tịnh độ.”

Trong phần vị chưa đến cuối cùng lại có hai loại: Một: Địa thứ tám trở lên luôn luôn thanh tịnh, bởi vì vĩnh viễn không còn hệ lụy thuộc Sắc tướng, độc lập soi chiếu về Thể, thần thông không còn có nơi chốn giới hạn, cho nên sắc tướng của Tịnh độ ấy khó mà nói ra. Hai: Địa thứ bảy trở về sau, bởi vì chưa ra khỏi ba cõi, Trí quán vô lậu có gián đoạn, cho nên không phải là luôn luôn thanh tịnh.

Nếu dựa vào luận Du Già thì tiến vào Địa thứ nhất trở đi mới là Tịnh độ, nơi cư trú của Tam Hiền đều là uế chứ không phải tịnh, đây là phân biệt về Thọ dụng và Biến hóa vốn khác nhau. Dựa theo Tông chỉ của kinh này, Bồ-tát Thập Tín vốn đã có Tịnh độ. Nay văn này bắt đầu từ thân cận Thiện hữu đến cuối cùng thành tựu Phật lực, đều là phương tiện thanh tịnh, cho nên bao gồm vạn hạnh. Nhưng phương tiện thanh tịnh tức là nhân của thanh tịnh. Phần trường hàng cũng có thể là quả Đẳng Lưu, như nói: Từ lâu đã gần gũi với Thiện hữu, cho nên có thể sinh đến trong quốc độ có Thiện hữu. Ngay nơi mười sự việc đều là tướng thanh tịnh.

Nhưng hưởng về trang nghiêm thì có giống nhau bởi vì dựa theo môn riêng biệt, hưởng về nhân duyên đầy đủ nên biết cũng như vậy. Lại khởi lên đầy đủ nhân duyên bao gồm nhiệm-tịnh, ở đây thì chỉ là tịnh. Trang nghiêm thì phần nhiều dựa theo quả ấy, thanh tịnh thì phần nhiều dựa theo nhân ấy. Lại trước đây thì phần nhiều tu tập về pháp thiện, ở đây thì phần nhiều đối trị về pháp ác. Vì vậy đối với thế giới, ở đây giống như gột rửa sạch sẽ, ở kia giống như thoa phấn trang điểm.

Trong phần riêng biệt giải thích: Một: Gần gũi Thiện hữu cùng chung thiện căn, nói rộng ra như phần Thiện Tài gặp Dạ Thiên. Hai: Trí dẫn dắt mây Từ che phủ rộng khắp pháp giới. Ba: Pháp môn Thắng giải đều đã thanh tịnh, đối trị dựa theo phần vị Địa tiền. Bốn: Ngay nơi Địa thứ nhất chứng được Như hiện hành khắp nơi, cho nên nói là quán sát tất cả cảnh giới; sinh vào nhà Như Lai, cho nên nói là an trú. Năm:

Tu tập đối trị..., là phần vị Tu đạo sau phần vị Kiến đạo, còn lại tuy chưa đầy đủ mà tất cả đều tu tập; nếu dựa theo viên dung thì cũng có thể gọi là đầy đủ. Sáu: Thắng tiến thuộc Địa thứ nhất, khắp nơi học theo pháp hành của Thập Địa, bởi vì những Địa sau chỉ là dựa vào pháp mà thực hành. Ba loại trên đều là Địa thứ nhất. Bảy: Địa thứ nhất phát nguyện thuận theo hành, đến Địa thứ tám thì tất cả đều thành tựu, cho nên gọi là sinh ra tất cả nguyện hải, mà nói thanh tịnh là bởi vì thuần nhất vô lậu. Tám: Tức là Địa thứ chín, Nhị thừa giải thoát chủ yếu là Chỉ và Quán, Bồ-tát giải thoát chủ yếu chỉ là Biện tài vô ngại, bởi vì khiến cho chúng sinh giải thoát. Chín: Tất cả trang nghiêm, bởi vì hai loại trang nghiêm của Thập Địa đều thành tựu đầy đủ. Mười: Lực của phương tiện thanh tịnh, tức là công đức của Phật và Phổ Hiền.

Trong mười loại trên, ba loại trước là nhân thanh tịnh của Biến hóa, bảy loại sau là nhân thanh tịnh của Thọ dụng. Trên đây bởi vì muốn thu nhận toàn bộ các Độ, cho nên dựa vào thứ tự phối hợp theo chiều dọc; nếu dựa theo chiều ngang tu tập, thì tâm ban đầu đã có thể đầy đủ trọn vẹn mười loại ấy.

Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là phần kết luận, có thể biết.

Trong phần kệ tụng, có chín kệ phân hai: Một kệ đầu là tổng quát trình bày về chủ thể-khách thể thanh tịnh, nửa kệ trước nói về phương tiện, nửa kệ sau nói về thanh tịnh, đều câu trước là quả, câu sau là nhân. Tám kệ sau là riêng biệt tụng về văn trước đây, trong đó: Bốn kệ đầu như thứ tự tụng về bốn thanh tịnh nói trên, Địa thứ nhất lấy Từ Bi làm đầu cho nên nói là vì chúng sinh mà tu hành, Chân Như đầy khắp mọi nơi cho nên nói là rộng lớn. Kệ năm, tụng về tu tập đối trị mà thanh tịnh, và vượt lên trên tụng về loại thứ bảy là nguyện thanh tịnh, bởi vì nguyện nối thông từ Địa thứ nhất đến Địa thứ tám; đây là dựa vào Địa thứ nhất cho nên tụng vượt lên trên. Kệ sáu, tụng về loại thứ tám là xuất yếu trước đây. Kệ bảy, tụng về loại thứ chín, và lùi lại tụng về quán sát Địa của Bồ-tát, bởi vì nghĩa của Địa nối thông từ trước đến sau. Kệ tám, tụng về lực của phương tiện.

Trên đây tạm thời phối hợp với trường hàng, trong đó cũng gồm đủ các nghĩa còn lại.

Đoạn 7: Phật xuất hiện sai biệt.

Phần trường hàng có mười sự việc-năm cặp, đối với Hải và chủng loại có sai biệt này. Trong năm cặp: Hai cặp đầu là tùy theo chủng loại ấy, một cặp tiếp là duyên với rộng-hẹp, một cặp tiếp là tùy theo căn cơ thích hợp, cặp năm là thành thực và chưa thành thực.

Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là phần kết luận, có thể biết.

Trong phần kệ tụng, có mười kệ phân ba: Đầu là một kệ tổng quát nêu ra; tiếp là năm kệ riêng biệt giải thích, như thứ tự tụng về năm cặp trước đây; sau là bốn kệ tổng quát kết luận, đã tùy theo tâm mà có khắp mọi nơi, cho nên trần số sát hải chưa đủ để nói là nhiều.

Đoạn 8: Kiếp trú không giống nhau, nghĩa là thời gian của quốc độ an trú-trải qua và ngừng lại, tùy theo nhân chủ động cảm đến mà có dài-ngắn.

Phần trường hàng sơ lược nêu ra có mười số lớn, lại có nhiều-ít không giống nhau. Như trong phần nêu ra-kết luận và tụng đã hiển bày, đều nối thông với các quốc độ chứ không nói là thanh tịnh lâu dài, bởi vì như thọ lượng ở Đại địa ngục lại kéo dài, loài người lại rút ngắn. Rất ác-rất thiện tiếp nhận thời gian đã nhiều, lại dựa theo môn khác nhau cũng không thể nhất định. Trong mười loại chỉ có chín loại, là thiếu về loại Bất khả thuyết-bất khả thuyết, đều như phẩm A-tăng-kỳ.

Trong phần kệ tụng có mười kệ, nhưng kiếp chỉ là thời gian chứ không có nghĩa lý riêng biệt, cho nên văn kệ này chuyển sang xu thế của tụng, tóm lược phân làm ba: Đầu là hai kệ tổng quát nêu ra nhận lời thuyết giảng, tụng về phần nêu ra trên đây. Tiếp có một kệ, tổng quát tụng về phần nêu ra trên đây, bao gồm hiển bày về nhân của dài-ngắn, bởi vì nguyện lực. Còn lại bảy kệ, tụng về tổng quát kết luận, mỗi kệ đều có một nghĩa: Kệ một trình bày về dài-ngắn nối thông với nhiệm-tịnh, kết luận bởi vì tâm-tướng. Kệ hai là kiếp trú thanh tịnh lâu dài, giải thích bởi vì nhân sâu xa. Kệ ba là nêu ra tên gọi của các kiếp, nhiệm-tịnh thâm nhiếp lẫn nhau. Kệ bốn là Phật xuất thế bởi vì nguyện khác nhau, cho nên tiến vào kiếp không giống nhau. Kệ năm là một-nhiều dung thông lẫn nhau, thâm nhiếp như nhau mà cùng hiện bày. Kệ sáu là thời-pháp thâm nhiếp lẫn nhau, tất cả tiến vào vô biên. Kệ bảy là kết luận do tâm-tướng, nêu ra theo phương tiện. Một phương tiện, tức là hiểu rõ chỉ do tâm. Một niệm cùng với kiếp đều do tâm-tướng, tâm-tướng không sinh thì dài-ngắn làm sao tồn tại. Không phải dài-không phải ngắn, thì gọi là thanh tịnh. Không hủy hoại đối với tướng thì kiếp hải vô biên.

Đoạn 9: Kiếp chuyển biến cho nên sai biệt, ở đây có hai loại: Một-Chỉ dựa theo cảm về Thành-Trú-Hoại, kiếp đều gọi là chuyển biến; hai-Chỉ dựa theo thiện-ác ở loài người trong kiếp trú, khiến cho nhiệm-tịnh chuyển biến.

Trong phần giải thích có đủ hai loại: Một loại đầu tức là nghĩa

trước, cho nên nói là vô lượng kiếp Thành-Hoại chuyển biến. Nói về Pháp Nhĩ, là pháp vốn như vậy tùy nghiệp mà chuyển. Nếu như vậy thì đâu khác với khởi lên đầy đủ nhân duyên? Ý của nhân duyên là thuộc về nhân, ý của chuyển biến là làm sáng tỏ về quả. Lại nhân duyên bao gồm có, chỉ Thành chứ không Hoại, như nói về nhân của Tự thọ dụng. Chín loại còn lại giải thích về nghĩa sau: Một: Gặp phải duyên xấu ác cho nên tịnh biến thành nhiễm, văn sau nói: Suối hồ đều khô cạn... Hai: Tu tập phước lớn của trời-người, khiến cho thế giới nhiều nhiễm-ít tịnh, cho nên trước đây nói là nhiễm; như văn sau nói: Lúa thóc tự nhiên sinh ra... Ba: Tức là Địa tiền, bởi vì chưa đoạn chướng cho nên không phải là thuần tịnh; bởi vì tịnh nhiều, cho nên trước đây nói là tịnh. Kinh phần nhiều nói là nhiễm-tịnh, cùng với trước có gì khác nhau? Hoặc là do người dịch sai sót, hoặc là do biên chép nhầm lẫn. Bốn: Tức là chứng thực phát tâm, ở quốc độ Thọ dụng, cho nên chỉ nói là thuần tịnh. Năm: Tất cả đều đạo qua, tức là các Bồ-tát từ Địa thứ hai đến Địa thứ mười, du hí thần thông dùng nhiều loại trang nghiêm mà trang nghiêm một quốc độ, hoặc dùng một loại trang nghiêm mà trang nghiêm cho nhiều quốc độ, đã đến quốc độ nhiễm ô thì có thể làm cho trang nghiêm. Sáu: Đại trang nghiêm, tức là phần vị Phổ Hiền, trang nghiêm quốc độ ở trong vi trần; như ánh sáng từ miệng triệu tập Đại chúng... trước đây. Bảy: Trang nghiêm diệt, đây là trình bày về mất đi thiện duyên mà pháp ác hiện bày, nghĩa là Như Lai thị hiện diệt độ, sự việc có thể diệt theo. Phật diệt độ một trăm năm, sữa lúc bấy giờ không bằng nước uống thời Phật tại thế, hướng hồ ở đời này! Ví như cuối cùng của thời gian kiếp giảm, hạt Bo bo là món ăn bậc nhất, sắt thép là vật dụng trang nghiêm bậc nhất. Tám: Như Di Lặc xuất hiện. Chín: Dùng thần thông của Phật thì ở nơi nào không thanh tịnh, kinh Tịnh Danh nói ngón chân ấn xuống mặt đất, kinh Pháp Hoa nói ba lần biến hóa Tịnh độ, tức là tương tự nghĩa này.

Mười sự việc trên đây, một loại đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt, vốn không ra ngoài nghiệp. Lại hai loại đầu là thuộc về phàm phu, bốn loại tiếp là thuộc về Bồ-tát, ba loại sau là thuộc về Phật. Lại dựa theo Phật Bồ-tát thì ngay nơi ô nhiễm làm cho thanh tịnh, dựa theo phàm phu thì ngay nơi thanh tịnh trở thành ô nhiễm.

Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là phần kết luận, có thể biết.

Trong phần kệ tụng có mười kệ như thứ tự, tụng về phần trước đây, có thể biết.

Đoạn 10: Không có gì sai biệt, nghĩa là chín đoạn trước đây phân

rõ về các thế giới, dựa theo tướng không giống nhau, tùy theo nghiệp nhiễm-tịnh, bởi vì chúng sinh mà có sai biệt. Nay nói không có sai biệt, bởi vì tánh không hai, cho nên kệ nói là Nghiệp tánh khởi. Lại dựa theo Quyền mà thiết lập thì đủ loại sai biệt, nay dựa theo Thật mà nói thì tất cả không có gì sai biệt. Như trong giáo pháp, hoặc nói đến Tam thừa thì chính là sai biệt, lúc thuyết giảng Hoa Nghiêm thì tất cả không có gì sai biệt. Lại đều là Dụng của chư Phật, cho nên mỗi một đều dung thông thấu nhiếp như nhau không có sai khác. Vì vậy, sai biệt trong chín đoạn trước, là sai biệt của không có sai biệt ở đây; nay không có sai biệt ở đây, tức là không có sai biệt của sai biệt trong chín đoạn trước. Vì vậy, kinh Pháp Hoa nói: “Chúng sinh nhìn thấy đốt cháy, mà Tịnh độ không hủy hoại.” Cả hai đều ngay trong nhau, bởi vì dựa vào nghĩa này mà nói mười tám loại viên mãn trong Tịnh độ, mỗi một loại xứng với Chân đều rộng khắp mọi nơi.

Trong phần giải thích về mười sự việc: Một: Số lượng hàm chứa trong biển giống nhau, thì tất cả biển là mảy trần, một mảy trần-một quốc độ, đã là nghĩa của hàm chứa thấu nhiếp. Hai: Phật thị hiện uy lực giống nhau. Ba: Đạo tràng giống nhau, bởi vì cùng chung Chân tánh. Bốn: Chúng hội giống nhau, bởi vì chúng thường tùy theo. Năm: Ánh sáng. Sáu: Danh hiệu. Bảy: Âm thanh. Tám: Pháp luân phương tiện. Bảy sự việc trên đều dựa theo một Bất động mà rộng khắp mọi nơi không có sai biệt. Chín: Mảy trần hàm chứa vô số quốc độ. Mười: Mảy trần dung nạp cảnh giới của Phật. Hai sự việc này dựa theo tướng Bất hoại mà dung nạp rộng rãi không có sai biệt.

Từ “Chư Phật thử...” trở xuống là phần kết luận tóm lược-hiển bày mở rộng.

Trong phần kệ tụng có mười kệ như thứ tự, tụng về mười nghĩa trên đây, chỉ có kệ thứ sáu dựa theo thân khác với Thể của tên gọi trước đây mà thôi. Nhưng trước đây chỉ dựa theo bình đẳng không có sai biệt, nay hiển bày về nghĩa trong mảy trần dung thông thấu nhiếp trùng điệp không có sai biệt.

Nếu nói là dựa theo sự việc giống nhau, thì tại sao không nói là nhiễm giống nhau-nghiệp khổ giống nhau? Lẽ nào trong Thế giới hải đã không có điều này hay sao?
